

Bản án số: 197/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2017

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tua

Ông Nguyễn Văn Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Trung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2017 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2017 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Chị Dương Bích T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp A, thị trấn V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh Phạm Nhiệm D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp A, thị trấn V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2017, nguyên đơn chị Dương Bích T trình bày: chị và anh Phạm Nhiệm D tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2014, không tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời

gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Nhiệm D.

Về con chung: Anh chị có 01 người con tên Dương Bảo N, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2015, hiện đang sống chung với chị T. Nay chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trước yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến bị đơn anh Phạm Nhiệm D trình bày: Anh và chị Dương Bích T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2014, không tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hòa hợp, bất đồng quan điểm qua yêu cầu của chị T, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con tên Dương Bảo N, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2015, hiện đang sống chung với chị T, khi ly hôn anh đồng ý cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con. Anh D đồng ý ly hôn và tự nguyện giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân đề nghị không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng, về con chung giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn chưa phải cấp dưỡng. Về tài sản không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Phạm Nhiệm D đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Nhiệm D tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Dương Bích T và anh Phạm Nhiệm D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2014, không tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cả hai cùng thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị T và anh D tại thời điểm chung sống với nhau thì cả hai đã đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định nhưng lại không đăng ký kết hôn nên anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/QH.10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội quy định “*Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Do quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập vào năm 2014. Vì vậy Tòa án căn cứ vào quy định tại Điều 131 luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 11, 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/QH.10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội tuyên bố không công nhận chị Dương Bích T và anh Phạm Nhiệm D là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 người con tên Dương Bảo N, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2015 cả hai đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh D chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị T và anh D đều xác định không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Đương sự còn phải chịu án phí và được kháng cáo theo luật định;
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, 35, 39, 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 11, 17 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH.10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Bích T và anh Phạm Nhiệm D là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên Dương Bảo N, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2015 cho chị Dương Bích T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Phạm Nhiệm D chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Nhiệm D có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn chị Dương Bích T phải nộp số tiền là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu tiền số 0011486 ngày 21/6/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí, chị T không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục TAHDS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Mỹ Trúc